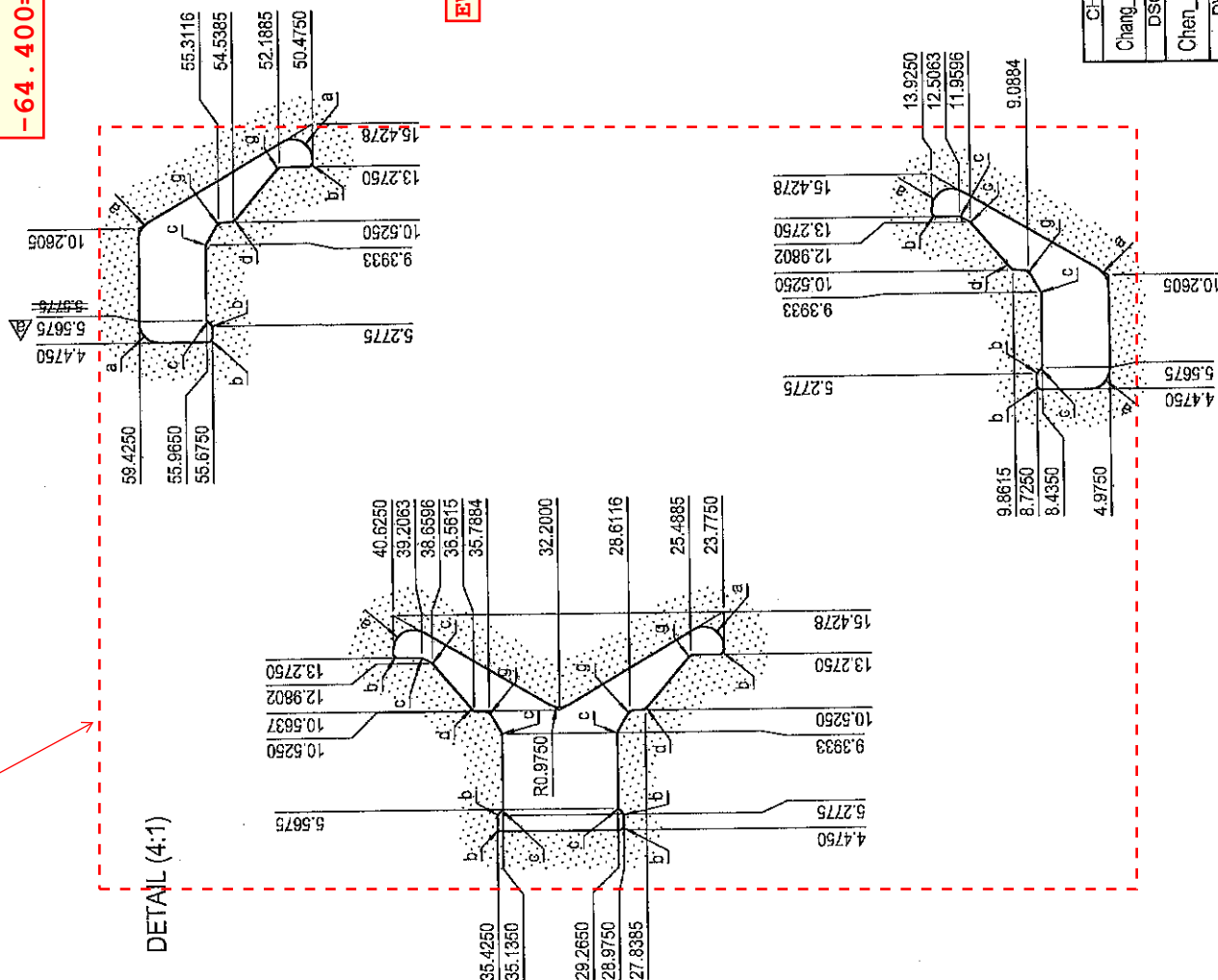


90  
60  
60  
500  
150


EW2 gia công OK biên  
dang=>GS cạnh lại vị trí

CUTTING TOLERANCE		
0.0000	± 0.002	0.000 -0
0.0000	± 0.003	0.000 -0
0.000	± 0.01	0.000 -0
0.0	± 0.1	0.00 -0
0.	± 0.2	0.0 -0
		0.0 -0
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED		
FINISH MARKS		
G		
▽▽ (▽)		



a) R1.0250  
b) R0.2250  
c) R0.1750  
d) R0.5250  
g) R0.4750  
h) R0.2359

ハッチング部は切刃の為、面取り不可(KC-019)  
切刃2ヶ勾配ダイ上面より6°とする(KC-050)  
4mm後1°2ヶ加工のこと(KC-051)

CHKD.	MATERIAL		TITLE	PARTS NAME
Chang_Fu_Ring	WC(D30(HP))		部品図 PART DRAWING	トリミングダイ TRIMMING DIE
DSGND.	SURFACE	SCALE	部品図	外形沖切下模 EXTERNAL CUTTING DIE
Chen_Jing_Fu		1:1	部品図	外形沖切下模 EXTERNAL CUTTING DIE
DWN.	QUENCH&TEMPER	SIZE	DATE	DWG.No.
Chen_Jing_Fu	HRC -	A3	2020/03/26	R360429

SNO: **R360429**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<b>1.VẬT LIỆU:</b> <b>WCD30</b> <b>T20*23*67</b>	EW1:90 GS1:60 ED:75 EW2:500 GS2:150 KT